

BẢN TIN PHÁP LUẬT



TRONG SỐ NÀY

MỘT SỐ ĐIỂM MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH HƯỚNG DẪN LUẬT AN NINH MẠNG

Trang 2

MỘT SỐ ĐIỂM MỚI TRONG THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN VỀ BẢO HIỂM BẮT BUỘC TRONG HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Trang 4

MỘT SỐ NỘI DUNG TIÊU BIỂU CỦA PHÁP LỆNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI HÀNH VI CẢN TRỞ HOẠT ĐỘNG TỔ TỤNG

Trang 7

GIỚI THIỆU TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CHÍNH SÁCH

"Tài liệu hướng dẫn đánh giá Báo cáo đánh giá tác động chính sách" (gọi tắt là "Tài liệu") là bộ hướng dẫn được Bộ Tư pháp biên soạn nhằm hỗ trợ công tác đánh giá Báo cáo Đánh giá tác động chính sách (ĐGTĐCS), với sự trợ giúp kỹ thuật từ Chương trình Cải cách Kinh tế ASEAN của Bộ Ngoại giao và Phát triển Vương quốc Anh (FCDO) phối hợp với Bộ Kinh doanh, Năng lượng và Chiến lược Công nghiệp Vương quốc Anh (BEIS).

Tài liệu tập trung vào xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá Báo cáo ĐGTĐCS nhằm hỗ trợ các cán bộ thuộc Bộ Tư pháp trong việc xem xét và đánh giá chất lượng của các Báo cáo ĐGTĐCS trong quy trình thẩm định các hồ sơ đề nghị xây dựng hay hồ sơ dự thảo VBQPPL. Những cơ quan khác ngoài Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm đánh giá Báo cáo ĐGTĐCS (bao gồm tổ chức pháp chế thuộc bộ, cơ quan ngang bộ và các Sở Tư pháp) cũng có thể sử dụng Tài liệu trong quá trình thẩm định. Những đối tượng khác như các nhà nghiên cứu, giảng viên... cũng có thể sử dụng Tài liệu này để phục vụ cho công tác của mình, nếu phù hợp.

Luật sư Nguyễn Hưng Quang – Trưởng Văn phòng Luật sư NHQuang&Cộng sự vinh dự là một trong các chuyên gia tham gia xây dựng Tài liệu này.

Quý vị quan tâm đến Tài liệu vui lòng tham khảo thêm tại: <https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/thong-tin-khac.aspx?ItemID=3568>

MỘT SỐ ĐIỂM MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH HƯỚNG DẪN LUẬT AN NINH MẠNG

HƯNG THỊNH

Ngày 15/08/2022, Chính phủ đã ban hành Nghị định 53/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật An ninh mạng 2018 (**Nghị định 53**). Nghị định 53 bao gồm 02 nhóm quy định (i) Nhóm quy định áp dụng cho các cơ quan nhà nước như trình tự, thủ tục áp dụng một số biện pháp bảo vệ an ninh mạng; công tác phối hợp giữa các bộ, ngành chức năng có liên quan trong thẩm định, đánh giá, kiểm tra, giám sát, ứng phó, khắc phục sự cố an ninh mạng đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia; và (ii) Nhóm quy định áp dụng cho doanh nghiệp trong và ngoài nước: nghĩa vụ lưu trữ dữ liệu của doanh nghiệp trong nước; nghĩa vụ đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện và lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam của doanh nghiệp nước ngoài. Trong bài viết này, NHQuang sẽ tập trung giới thiệu về nhóm quy định (ii), nhóm quy định áp dụng cho doanh nghiệp.

Thứ nhất, quy định những dữ liệu phải được lưu trữ tại Việt Nam, bao gồm:

(i) Dữ liệu về thông tin cá nhân của người sử dụng dịch vụ tại Việt Nam (là dữ liệu về thông tin dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự để xác định danh tính một cá nhân);

(ii) Dữ liệu do người sử dụng dịch vụ tại Việt Nam tạo ra (là dữ liệu về thông tin dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự phản ánh quá trình tham gia, hoạt động, sử dụng không gian mạng của người sử dụng dịch vụ và các thông tin về thiết bị, dịch vụ mạng sử dụng để kết nối với không gian mạng trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam) bao gồm: Tên tài khoản sử dụng dịch vụ, thời gian sử dụng dịch vụ, thông tin thẻ tín dụng, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ mạng (IP) đăng nhập, đăng xuất gần nhất, số điện thoại đăng ký được gắn với tài khoản hoặc dữ liệu;

(iii) Dữ liệu về mối quan hệ của người sử dụng dịch vụ tại Việt Nam (là dữ liệu về thông tin dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự phản ánh, xác định mối quan hệ của người sử dụng dịch vụ với người khác trên không gian mạng): bạn bè, nhóm mà người sử dụng kết nối hoặc tương tác.



Thứ hai, quy định về chủ thể có nghĩa vụ lưu trữ dữ liệu, đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam, cụ thể:

(i) Doanh nghiệp trong nước cung cấp dịch vụ trên mạng viễn thông, mạng Internet, các dịch vụ gia tăng trên không gian mạng tại Việt Nam có hoạt động thu thập, khai thác, phân tích, xử lý dữ liệu về thông tin cá nhân, dữ liệu về mối quan hệ của người sử dụng dịch vụ, dữ liệu do người sử dụng dịch vụ tại Việt Nam tạo ra phải lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam.

(ii) Doanh nghiệp nước ngoài có hoạt động kinh doanh tại Việt Nam thuộc một trong những lĩnh vực quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 26 của Nghị định 53, ví dụ: Dịch vụ viễn thông; lưu trữ, chia sẻ dữ liệu trên không gian mạng; cung cấp tên miền quốc gia hoặc quốc tế cho người sử dụng dịch vụ tại Việt Nam; thương mại điện tử; thanh toán trực tuyến; trung gian thanh toán; dịch vụ kết nối vận chuyển qua không gian mạng; mạng xã hội và truyền thông xã hội,... phải lưu trữ dữ liệu theo quy định tại khoản 1 Điều 26 của Nghị định 53 và đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam trong trường hợp dịch vụ do doanh nghiệp cung cấp bị sử dụng thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về an ninh mạng đã được Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao thuộc Bộ Công an thông báo và có yêu cầu phối hợp, ngăn chặn, điều tra, xử lý bằng văn bản nhưng không chấp hành, chấp hành không đầy đủ hoặc ngăn chặn, cản trở, vô hiệu hóa, làm mất tác dụng của biện pháp bảo vệ an ninh mạng do lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng thực hiện.

Thứ ba, quy định các nội dung liên quan đến nghĩa vụ lưu trữ dữ liệu, đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp trong và ngoài nước:

- Hình thức lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam do doanh nghiệp quyết định.
- Thời gian lưu trữ bắt đầu từ khi doanh nghiệp nhận được yêu cầu lưu trữ dữ liệu đến khi kết thúc yêu cầu, tối thiểu là 24 tháng.
- Thời gian đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam theo quy định tại Điều 26 Nghị định

53 bắt đầu từ khi doanh nghiệp nhận được yêu cầu đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam đến khi doanh nghiệp không còn hoạt động tại Việt Nam hoặc dịch vụ được quy định không còn cung cấp tại Việt Nam.

- Trình tự, thủ tục yêu cầu lưu trữ dữ liệu, đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam:

(i) Bộ trưởng Bộ Công an ra quyết định yêu cầu lưu trữ dữ liệu, đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam.

(ii) Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao thuộc Bộ Công an thông báo, hướng dẫn, theo dõi, giám sát, đôn đốc doanh nghiệp thực hiện yêu cầu lưu trữ dữ liệu, đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam.

(iii) Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Bộ trưởng Bộ Công an ra quyết định, các doanh nghiệp nước ngoài phải hoàn thành lưu trữ dữ liệu, đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam.

MỘT SỐ BÌNH LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Việc ban hành Nghị định 53 nhằm hướng dẫn cụ thể hơn về nghĩa vụ lưu trữ dữ liệu, đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam được quy định tại Luật An ninh mạng 2018. Nghị định 53 có hiệu lực kể từ ngày 01/10/2022. Doanh nghiệp cần cập nhật và nghiên cứu các quy định của Nghị định này để xác định phạm vi dịch vụ của doanh nghiệp có thuộc các trường hợp cần lưu trữ dữ liệu, đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam hay không, từ đó xây dựng kế hoạch lưu trữ dữ liệu, đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam phù hợp; đồng thời thực hiện các trách nhiệm về bảo đảm an ninh thông tin trên không gian mạng như quy định tại khoản 2, Điều 26 của Luật An ninh mạng 2018, đảm bảo tuân thủ nghĩa vụ pháp luật quy định. Cũng cần lưu ý rằng, theo Dự thảo Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh mạng thì hành vi "Không lưu trữ dữ liệu, đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Luật An ninh mạng" có thể bị xử phạt từ 80 đến 100 triệu đồng, và tước quyền sử dụng Giấy phép kinh doanh tại thị trường Việt Nam.

MỘT SỐ ĐIỂM MỚI TRONG THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN VỀ BẢO HIỂM BẮT BUỘC TRONG HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

TUỆ ĐĂNG

Ngày 11/08/2022, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 50/2022/TT-BTC hướng dẫn Nghị định 119/2015/NĐ-CP quy định bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng và Nghị định 20/2022/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 119/2015/NĐ-CP quy định bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng (**Thông tư 50**). Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01/10/2022 và thay thế Thông tư 329/2016/TT-BTC hướng dẫn thực hiện Nghị định 119/2015/NĐ-CP quy định bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng (**Thông tư 329**). Dưới đây là một số nội dung nổi bật của Thông tư 50:

Thứ nhất, sửa đổi quy định về loại trừ trách nhiệm bảo hiểm (**TNBH**). Thông tư 50 đã sửa đổi, cấu trúc lại các trường hợp về loại trừ TNBH chung và các trường hợp loại trừ TNBH của riêng từng loại bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động xây dựng, cụ thể:

- Thông tư 50 quy định **07 trường hợp** loại trừ TNBH chung bao gồm:
 - i. Tổn thất phát sinh do chiến tranh, bạo loạn, đình công, hành động của các thế lực thù địch, nổi loạn, hành động ác ý nhân danh hoặc có liên quan tới các tổ chức chính trị, tịch biên, sung công, trưng dụng, trưng thu hay phá hủy hoặc bị gây thiệt hại theo lệnh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
 - ii. Tổn thất phát sinh do hành động khủng bố;
 - iii. Tổn thất phát sinh do phản ứng hạt nhân, phóng xạ hạt nhân, nhiễm phóng xạ;
 - iv. Tổn thất phát sinh từ hành vi cố ý vi phạm pháp luật của bên mua bảo hiểm (**BMBH**) hoặc người được bảo hiểm;
 - v. Tổn thất phát sinh trong trường hợp BMBH không có quyền lợi có thể được bảo hiểm;
 - vi. Tổn thất phát sinh do ngừng công việc thi công xây dựng hoặc tổn thất do hậu quả của ngừng công việc thi công xây dựng (dù là ngừng một phần hoặc toàn bộ công việc thi công); và



vii. Tổn thất đối với dữ liệu, phần mềm và các chương trình máy tính.

Trước đây, Thông tư 329/2016/TT-BTC phân loại các trường hợp loại trừ TNBH thành **05 nhóm trường hợp** gồm: (i) Tổn thất phát sinh từ hành vi cố ý, (ii) Tổn thất không mang tính ngẫu nhiên, (iii) Tổn thất không lượng hóa được bằng tiền, (iv) Tổn thất mang tính thảm họa, và (v) Tổn thất phát sinh trong trường hợp BMBH không có quyền lợi có thể được bảo hiểm. Trừ trường hợp "Tổn thất phát sinh trong trường hợp BMBH không có quyền lợi có thể được bảo hiểm", Thông tư 50 đã có cách phân loại khác với Thông tư 329 bằng cách liệt kê cụ thể các trường hợp loại trừ TNBH thay vì phân loại thành 05 nhóm trường hợp loại trừ TNBH như Thông tư 329.

- Thông tư 50 quy định chi tiết các trường hợp loại trừ TNBH của riêng từng loại bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động xây dựng. Theo đó, bên cạnh việc áp dụng các trường hợp loại trừ TNBH chung như được đề cập ở trên, mỗi loại bảo hiểm sẽ có các trường hợp loại trừ TNBH riêng phù hợp với đặc thù của mỗi loại bảo hiểm, tiêu biểu:
 - *Bảo hiểm bắt buộc công trình trong thời gian xây dựng* loại trừ TNBH trong một số trường hợp như: tổn thất phát sinh do lỗi thiết kế của nhà thầu vấn đề đối với công trình xây dựng; hiện tượng ăn mòn, mài mòn, oxy hóa; mục rữa và diễn ra trong điều kiện áp suất, nhiệt độ bình thường;...
 - *Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng* loại trừ TNBH trong một số trường hợp như: tổn thất phát sinh do nhà thầu vấn đề cố ý lựa chọn phương pháp thi công, tính toán, đo đạc, thiết kế, sử dụng vật liệu chưa được thử nghiệm, do nắm móc, liên quan đến chất amiăng hoặc bất kỳ nguyên vật liệu nào có chứa chất amiăng, tổn thất phát sinh từ việc vi

phạm quyền sở hữu trí tuệ...

- *Bảo hiểm bắt buộc cho người lao động thi công trên công trường* loại trừ TNBH trong trường hợp tổn thất liên quan đến chất amiăng hoặc bất kỳ nguyên vật liệu nào có chứa chất amiăng;

- *Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba* loại trừ TNBH trong một số trường hợp như: tổn thất phát sinh từ sự ô nhiễm hoặc nhiễm bẩn; thiệt hại đối với tài sản trên mặt đất hay sức khỏe, tính mạng do bộ phận chịu lực và địa chất công trình bị dịch chuyển hay suy yếu gây ra; thiệt hại là hậu quả của tai nạn gây ra bởi xe cơ giới hay các phương tiện tàu thuyền, xà lan hay máy bay đã tham gia bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ phương tiện đối với bên thứ ba...

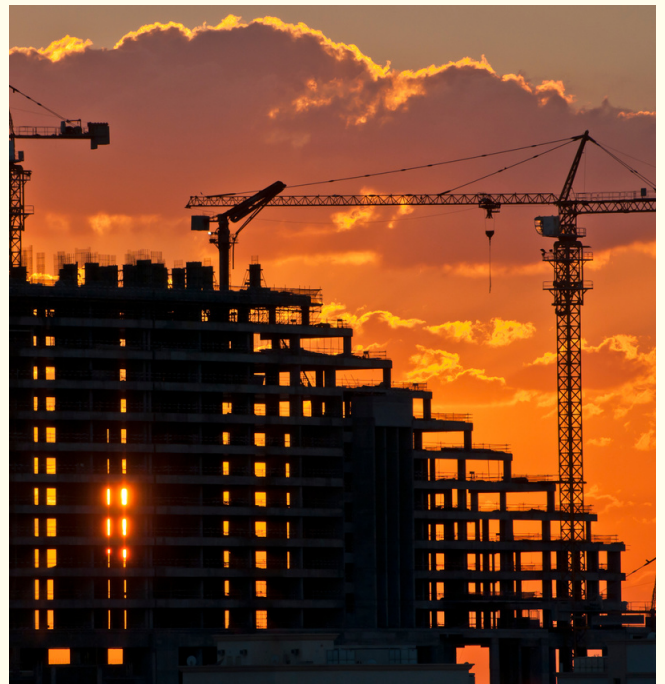
Thứ hai, sửa đổi, bổ sung một số quy định về phí, nguyên tắc bồi thường bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba, và trách nhiệm của các bên khi có yêu cầu bồi thường của bên thứ ba, cụ thể:

- Sửa đổi quy định phí bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba. Theo đó, khoản phí này được tính bằng 5% phí bảo hiểm bắt buộc đối với công trình trong thời gian xây dựng, thay vì dựa trên biểu phí bảo hiểm do doanh nghiệp bảo hiểm (DNBH) chủ động xây dựng như quy định tại Thông tư 329. Căn cứ mức độ rủi ro của đối tượng bảo hiểm, DNBH được điều chỉnh tăng hoặc giảm phí bảo hiểm tối đa 25% tính trên phí bảo hiểm.
- Bổ sung thêm nguyên tắc bồi thường bảo hiểm liên quan đến mức bồi thường chi trả cho BMBH và cơ chế phối hợp giải quyết bồi thường bảo hiểm. Khi bên thứ ba bị thiệt hại ngoài hợp đồng về sức khỏe, tính mạng, tài sản phát sinh trực tiếp trong quá trình thi công xây dựng thuộc TNBH, DNBH sẽ có trách nhiệm chi trả cho BMBH mức bồi thường về sức khỏe/tính mạng và thiệt hại tài sản/vụ tai nạn và chi phí pháp lý có liên quan (nếu có).
- Bổ sung quy định về trách nhiệm của BMBH và DNBH khi có yêu cầu đòi bồi thường của bên thứ ba, trong đó BMBH và DNBH cần phối hợp như sau:
BMBH (i) lập tức thông báo ngay cho DNBH bằng các phương tiện thông tin liên lạc; sau đó thông báo bằng văn bản cho DNBH trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu đòi bồi thường của bên thứ ba, (ii) thực hiện mọi biện pháp trong phạm vi khả năng của mình để hạn chế tổn thất ở mức thấp nhất, (iii) cung cấp cho

DNBH hồ sơ bồi thường bảo hiểm quy định tại Điều 34 của Thông tư 50 và tạo điều kiện cho DNBH trong quá trình xác minh các tài liệu đó, (iv) thực hiện, phối hợp, cho phép DNBH thực hiện các hành động và biện pháp cần thiết hoặc theo yêu cầu của DNBH nhằm bảo vệ quyền lợi mà DNBH được hưởng sau khi bồi thường thiệt hại thuộc TNBH.

- DNBH (i) giám định tổn thất theo quy định pháp luật và lập biên bản giám định nguyên nhân và mức độ thiệt hại, (ii) hướng dẫn BMBH, phối hợp với BMBH và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thu thập đầy đủ các tài liệu để lập hồ sơ bồi thường, (ii) phối hợp với BMBH để giải quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại của bên thứ ba thuộc TNBH khi xảy ra sự kiện bảo hiểm và (iv) ban hành văn bản thông báo bồi thường bảo hiểm nếu chấp nhận bồi thường bảo hiểm hoặc văn bản giải thích lý do nếu từ chối bồi thường bảo hiểm.

Thứ ba, quy định việc thanh toán phí bảo hiểm cho các loại bảo hiểm bắt buộc sẽ thực hiện theo quy định tại Thông tư 50/2017/TT-BTC thay cho các thời hạn/quy trình thanh toán tại Thông tư 329/2016/TT-BTC. Đối với (i) hợp đồng bảo hiểm cho các công trình xây dựng và (ii) hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba thuộc các dự án đầu tư xây dựng quy định tại Nghị định 50/2021/NĐ-CP, DNBH và BMBH thỏa thuận thời hạn thanh toán phí bảo hiểm ghi trong hợp đồng bảo hiểm và không chậm hơn tiến độ thanh toán của hợp đồng xây dựng. Trong mọi trường hợp, thời hạn thanh toán phí bảo hiểm không được vượt quá thời hạn bảo hiểm.



Một số bình luận và khuyến nghị

Các quy định tại Thông tư 50 được ban hành nhằm (i) khắc phục một số khó khăn khi áp dụng pháp luật trong công tác bảo hiểm (như việc quy định các trường hợp loại trừ TNBH chung và liệt kê chi tiết các trường hợp loại trừ TNBH riêng đối với từng loại bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng), (ii) đảm bảo thống nhất với quy định trong văn bản quy phạm pháp luật khác về bảo hiểm (thông qua việc quy định thanh toán phí bảo hiểm thực hiện theo Thông tư 50/2017/TT-BTC), (iii) đảm bảo quy định thanh toán phí bảo hiểm phù hợp với thực tiễn triển khai công tác bảo hiểm trong các công trình xây dựng sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công và hợp đồng xây dựng giữa doanh nghiệp dự án PPP với các nhà thầu xây dựng thực hiện các gói thầu thuộc dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Các doanh nghiệp cần lưu ý cập nhật và nghiên cứu các quy định của Thông tư 50 để đảm bảo thực hiện các hoạt động liên quan đến bảo hiểm bắt buộc trong đầu tư xây dựng phù hợp với quy định pháp luật.

MỘT SỐ NỘI DUNG TIÊU BIỂU CỦA PHÁP LỆNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI HÀNH VI CẢN TRỞ HOẠT ĐỘNG TỔ TỤNG

HẢI LINH

Nhằm tạo cơ sở pháp lý để xử lý nghiêm minh những hành vi cản trở hoạt động tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền, ngày 18/08/2022, Pháp lệnh Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi cản trở hoạt động tố tụng (**Pháp lệnh**) đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành. Pháp lệnh quy định về hành vi cản trở hoạt động tố tụng bị xử phạt vi phạm hành chính (**VPHC**); hình thức, mức xử phạt; biện pháp khắc phục hậu quả; biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý VPHC; thẩm quyền, thủ tục xử phạt, thi hành quyết định xử phạt và cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt VPHC đối với hành vi cản trở hoạt động tố tụng. Cũng lưu ý rằng mức xử phạt được quy định trong Pháp lệnh được áp dụng đối với cá nhân, tổ chức có cùng hành vi vi phạm thì mức phạt tiền gấp 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân. Trong Bản tin pháp luật số này, NHQuang&Cộng sự sẽ giới thiệu một số nội dung tiêu biểu của Pháp lệnh, trong đó tập trung vào các quy định về hành vi cản trở hoạt động tố tụng bị xử phạt VPHC trong 03 lĩnh vực hình sự, dân sự, hành chính.

Thứ nhất, quy định các hành vi cản trở hoạt động tố tụng hình sự. Trong lĩnh vực tố tụng hình sự, Pháp lệnh quy định **07** hành vi được coi là cản trở hoạt động tố tụng hình sự, bao gồm:

- (i) Hành vi tố giác, báo tin về tội phạm sai sự thật;
- (ii) Hành vi tiết lộ bí mật điều tra;
- (iii) Hành vi vi phạm quy định về sự có mặt theo giấy triệu tập;
- (iv) Hành vi cản trở đại diện của cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân tham gia tố tụng;
- (v) Hành vi cản trở hoạt động xác minh, thu thập chứng cứ;
- (vi) Hành vi ngăn cản việc cấp, giao, nhận, thông báo hoặc không thực hiện trách nhiệm cấp, giao, chuyển, gửi, niêm yết, thông báo văn bản tố tụng;
- (vii) Hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín,



xâm hại sức khỏe của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Tùy vào đối tượng, tính chất và hậu quả của hành vi, cá nhân vi phạm có thể bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền với mức tối thiểu là 100 nghìn đồng đến tối đa là 40 triệu đồng. Ví dụ, hành vi tố giác, báo tin về tội phạm sai sự thật được chia thành 03 khung hình phạt: (i) phạt tiền từ 01 triệu đồng đến 05 triệu đồng với hành vi cố ý tố giác, báo tin về tội phạm sai sự thật của cá nhân; (ii) phạt tiền từ 05 triệu đồng đến 15 triệu đồng với các hành vi như cố ý tố giác, báo tin về tội phạm sai sự thật làm ảnh hưởng đến uy tín của cơ quan, người có thẩm quyền của cá nhân; (iii) phạt tiền từ 15 triệu đồng đến 30 triệu đồng đối với luật sư cố ý tố giác, báo tin về tội phạm sai sự thật làm ảnh hưởng đến uy tín của cơ quan, người có thẩm quyền; ngoài ra, cá nhân, tổ chức tố giác, báo tin về tội phạm sai sự thật có thể bị tịch thu tang vật, phương tiện VPHC.

Thứ hai, quy định các hành vi cản trở hoạt động tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại tòa án nhân dân, đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Cụ thể, nhóm các hành vi trong lĩnh vực này bao gồm **07** hành vi sau:

- (i) Hành vi cố ý không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án;
- (ii) Hành vi cản trở đại diện của cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân tham gia tố tụng theo yêu cầu của Tòa án;
- (iii) Hành vi cản trở hoạt động xác minh, thu thập chứng cứ của cơ quan, người có thẩm quyền;
- (iv) Hành vi cản trở việc cấp, giao, nhận, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án;
- (v) Hành vi can thiệp vào việc giải quyết vụ án, vụ

việc;

(vi) Hành vi xúc phạm, xâm hại đến sự tôn nghiêm, uy tín của Tòa án; xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín, xâm hại sức khỏe của người có thẩm quyền hoặc những người khác thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của Tòa án;

(vii) Hành vi đưa tin sai sự thật.

Cá nhân thực hiện các hành vi vi phạm nêu trên tùy vào đối tượng, mức độ nguy hiểm và hậu quả của hành vi gây ra sẽ bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền với mức tối thiểu là 100 nghìn đồng và tối đa là 40 triệu đồng cùng các hình thức xử phạt bổ sung tương ứng (nếu có). Ví dụ, cá nhân có hành vi đe dọa, hành hung hoặc lợi dụng sự lệ thuộc nhằm cản trở đại diện của cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân tham gia tố tụng theo yêu cầu của Tòa án sẽ bị xử phạt từ 01 triệu đồng đến tối đa 05 triệu đồng, đồng thời có thể bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung là tịch thu tang vật, phương tiện VPHC.

Thứ ba, quy định các hành vi vi phạm nội quy phiên tòa, phiên họp, hành vi khác cản trở hoạt động tố tụng. Theo đó, Pháp lệnh quy định cụ thể **02** nhóm hành vi sau:

(i) Nhóm hành vi vi phạm nội quy phiên tòa bao gồm một số hành vi như gây rối tại phòng xử án (phạt tiền từ 500 nghìn đồng đến 01 triệu đồng đối với cá nhân, đồng thời áp dụng hình thức phạt bổ sung là tịch thu tang vật, phương tiện VPHC), không xuất trình giấy triệu tập, giấy mời, các giấy tờ có liên quan khác theo yêu cầu của Tòa án mặc dù đã được nhắc nhở của người tham gia phiên tòa (phạt tiền từ 500 nghìn đồng đến 01 triệu đồng đối với cá nhân).

(ii) Nhóm hành vi khác cản trở hoạt động tố tụng bao gồm (i) Phát tán tài liệu hoặc phát tán thông tin tài khoản đăng nhập vào hệ thống xét xử trực tuyến và (ii) Hủy hoại hệ thống đường truyền và thiết bị mạng, hệ thống âm thanh (loa, micro, tăng âm, bộ trộn âm thanh)... 02 hành vi này đều sẽ bị xử phạt từ 01 triệu đồng đến 07 triệu đồng đối với cá nhân và áp dụng hình thức phạt bổ sung là tịch thu tang vật, phương tiện VPHC.

MỘT SỐ BÌNH LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Việc quy định các hành vi cản trở tố tụng trong 03 lĩnh vực là hình sự, dân sự, hành chính nêu trên nhằm khắc phục những vướng mắc trên thực tế khi thực tiễn xử phạt VPHC trong hoạt động tố tụng cho thấy các hành vi cản trở hoạt động tố tụng xảy ra có xu hướng gia tăng, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ việc, ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng giải quyết vụ việc của cơ quan, người có thẩm quyền, tính tôn nghiêm và quyền uy của tư pháp. Trong khi đó, pháp luật chưa có văn bản quy định có hệ thống về việc xử phạt các hành vi cản trở hoạt động tố tụng mà chỉ có một số quy định chung, chưa cụ thể, chưa rõ ràng về xử lý hành vi cản trở hoạt động tố tụng nằm rải rác trong Bộ luật Tố tụng hình sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính. Các loại hành vi, hình thức xử phạt, thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử phạt hành vi cản trở hoạt động tố tụng chưa được quy định cụ thể, dẫn đến việc xử phạt hành vi vi phạm gặp nhiều khó khăn, vướng mắc. Việc ban hành một văn bản pháp luật thống nhất và chi tiết, tạo cơ sở pháp lý để xử lý nghiêm minh những hành vi cản trở hoạt động tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền; phòng ngừa những vi phạm có thể xảy ra. Pháp lệnh có hiệu lực từ ngày 01/09/2022. Các cá nhân, tổ chức cần cập nhật và nghiên cứu các quy định của Pháp lệnh để đảm bảo thực hiện đúng các nghĩa vụ trong quá trình tham gia tố tụng, hạn chế các rủi ro pháp lý không đáng có.

NHÓM TÁC GIẢ



DƯƠNG TRẦN HƯNG THỊNH

Tư vấn luật



LƯU TUỆ ĐĂNG

Luật sư



LÊ HẢI LINH

Tư vấn luật

NHÓM BIÊN TẬP



ĐẶNG HUYỀN THU

Tư vấn luật



NGUYỄN THÙY DƯƠNG

Luật sư cấp cao

THIẾT KẾ



NGUYỄN HOÀNG AN

Tìm hiểu thêm về NHQuang tại:



Ha Noi Office:
Villa B23, Trung Hoa - Nhan Chinh
Nguyen Thi Dinh Street, Nhan Chinh Ward
Thanh Xuan District, Ha Noi, Viet Nam
Tel: 84 24 3537 6939
Fax: 84 24 3537 6941
Web: www.nhquang.com

Ho Chi Minh City Branch:
First floor, Harmony Tower, No. 47-49-51
Phung Khắc Khoan Street, Da Kao Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Tel: 84 28 3822 6290
Fax: 84 28 3822 6290
Email: contact@nhquang.com